



Phụ lục I
THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ NỘI DUNG VƯỜN ĐẸP

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BTC ngày tháng 7 năm 2021 của Trưởng Ban Tổ chức cuộc thi)

TT	Nội dung	Quy định đạt chuẩn	Điểm chuẩn tối đa	Thực hiện của vườn	Điểm do UBND cấp huyện chấm	Điểm do Hội đồng chấm thi cấp tỉnh chấm	Ghi chú
	TỔNG ĐIỂM		100				
1	Diện tích, đang sản xuất	Từ 500 m2 trở lên	5	nêu rõ diện tích, đang sản xuất			- Từ 500m2 trở lên và đang sản xuất: 5 điểm - Dưới 500 m2 không đánh giá
2	Có bản vẽ sơ bộ về quy hoạch - thiết kế và thực hiện quy hoạch - thiết kế		5				
2.1	Có bản đồ hoặc sơ đồ quy hoạch - thiết kế vườn hộ	Đạt	2	mô tả sơ bộ thiết kế			- Có bản đồ hoặc sơ đồ đảm bảo khoa học: 2 điểm; tùy mức độ quy hoạch thiết kế phù hợp với diện tích hiện trạng của vườn để chấm điểm tối đa - Không có: 0 điểm.
2.2	Thực hiện đúng theo sơ đồ quy hoạch - thiết kế	Đạt	3	mô tả sơ bộ việc thực hiện			- Thực hiện đúng: 3 điểm; tùy mức độ thực hiện theo quy hoạch của vườn để chấm điểm tối đa - Sai: 0 điểm
3	Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật		20				
3.1	Có hệ thống tưới, tiêu khoa học	Đạt	10	nêu rõ hệ tưới tiêu hiện có			- Có: 10 điểm; tùy hệ thống tưới tiêu, mức độ áp dụng tưới tiêu khoa học để chấm điểm tối đa - Không có: 0 điểm
3.2	Có áp dụng một trong các ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ tiên tiến khác vào sản xuất, thu hoạch, bảo quản và chế biến	Đạt	10	Nêu rõ việc áp dụng khoa học kỹ thuật của vườn			- Có ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất: 10 điểm; tùy việc ứng dụng KHKT để chấm điểm tối đa - Không có ứng dụng: 0 điểm.

TT	Nội dung	Quy định đạt chuẩn	Điểm chuẩn tối đa	Thực hiện của vườn	Điểm do UBND cấp huyện chấm	Điểm do Hội đồng chấm thi cấp tỉnh chấm	Ghi chú
4	Sản phẩm hàng hóa và thu nhập từ vườn		20				
4.1	Tổng diện tích đất vườn còn lại (sau khi bố trí chuồng trại chăn nuôi, ao thả cá, sử dụng cho mục đích cần thiết khác, nếu có) được trồng các loại cây do ngành nông nghiệp khuyến khích, phù hợp với quy hoạch vùng sản xuất của địa phương để tăng thu nhập: 50% đối với các hộ thuộc huyện miền núi cao và 80% đối với các hộ thuộc các huyện, thị xã, thành phố còn lại.	Đạt	10	Nêu rõ diện tích trồng các loại cây do ngành nông nghiệp khuyến khích; các loại cây đang trồng tạo thu nhập			- Tối đa 10 điểm; tùy thực tế cụ thể để xem xét chấm điểm tối đa - Không đảm bảo: 0 điểm.
4.2	Vườn có tạo thu nhập cho hộ (lãi ròng)	Lãi ròng tối thiểu 50 triệu đồng/năm	10	Nêu rõ lãi ròng của vườn năm 2020 kèm theo giải thích về doanh thu, chi phí, lãi			- Lãi ròng đạt từ 50 triệu đồng/năm trở lên: 10 điểm; - Lãi ròng đạt từ 40 triệu đồng đến dưới 50 triệu đồng/năm: 5 điểm - Lãi ròng dưới 40 triệu đồng/năm: 0 điểm - Không có hồ sơ minh chứng kèm theo: 0 điểm
5	Môi trường - Cảnh quan		25				
5.1	Vườn được sắp xếp, bố trí khoa học, bảo đảm cảnh quan sạch, đẹp, không ô nhiễm môi trường	Đạt	10	nêu rõ			- Vườn sắp xếp, bố trí khoa học, bảo đảm cảnh quan sạch, đẹp, không ô nhiễm môi trường: 10 điểm; tùy mức độ thực hiện để cho điểm tối đa - Vườn có sắp xếp, bố trí khoa học, không ô nhiễm môi trường nhưng cảnh quan còn chưa đẹp: 5 điểm; - Vườn ko sắp xếp: 0 điểm
5.2	Không có cây tạp trong vườn	Đạt	3	nêu rõ			- Không có cây tạp trong vườn: 3 điểm; - Có cây tạp trong vườn: 0 điểm

TT	Nội dung	Quy định đạt chuẩn	Điểm chuẩn tối đa	Thực hiện của vườn	Điểm do UBND cấp huyện chấm	Điểm do Hội đồng chấm thi cấp tỉnh chấm	Ghi chú
5.3	Chuồng trại chăn nuôi phải đảm bảo đúng quy cách kỹ thuật, đảm bảo vệ sinh môi trường (có sử dụng bể biogas hoặc chế phẩm sinh học, ...)	Đạt	5	nêu rõ			- Có chuồng trại đúng quy cách kỹ thuật, đảm bảo vệ sinh môi trường: 5 điểm; - Không đúng quy cách kỹ thuật, không đảm bảo vệ sinh môi trường: 0 điểm. - Nếu không có chuồng trại chăn nuôi trong vườn: 0 điểm
5.4	Chất thải rắn hộ gia đình trước khi tập kết tại điểm thu gom phải được phân loại	Đạt	5	nêu rõ			- Có phân loại: 5 điểm; tùy mức độ thực hiện để cho điểm tối đa - Không phân loại: 0 điểm
5.5	Có nơi để dụng cụ sản xuất, thiết bị máy móc và vật tư nông nghiệp an toàn, gọn gàng, đảm bảo vệ sinh môi trường	Đạt	2	nêu rõ			- Có: 2 điểm; tùy mức độ thực hiện để cho điểm tối đa - Không: 0 điểm
6	Các nội dung vượt trội khác của vườn (lãi ròng tạo ra từ vườn)	Lãi ròng từ 50 triệu đồng/năm trở lên	25	Kèm theo các hồ sơ minh chứng về doanh thu, chi phí, lãi (báo cáo về doanh thu, chi phí, lãi; hợp đồng liên doanh, liên kết, nghiệm thu thanh lý hợp đồng....)			- Lãi từ 50 triệu đồng đến 70 triệu đồng/năm: 10 điểm - Lãi trên 70 triệu đồng đến 100 triệu đồng/năm: 15 điểm - Lãi trên 100 triệu đồng đến 150 triệu đồng/năm: 20 điểm - Lãi trên 150 triệu đồng/năm trở lên: 25 điểm - Không có hồ sơ minh chứng kèm theo: 0 điểm

* Ưu tiên xét chọn tặng thưởng đối với vườn có cả 03 nội dung: Vườn - Ao - Chuồng (VAC).

Phụ lục II
THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ NỘI DUNG TƯỜNG RÀO - CÔNG NGÕ ĐẸP
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BTC ngày tháng 7 năm 2021 của Trưởng Ban Tổ chức cuộc thi)

TT	Nội dung	Quy định đạt chuẩn	Điểm chuẩn tối đa	Mức độ thực hiện	Điểm do UBND cấp huyện chấm	Điểm do Hội đồng chấm thi cấp tỉnh chấm	Ghi chú
	TỔNG ĐIỂM		100				
1	Tường rào được xây dựng, chỉnh trang, cải tạo bằng cây xanh và cắt tỉa gọn gàng hoặc tường rào khác được phủ cây xanh, trồng hoa hoặc tường rào xếp đá; đảm bảo mỹ quan và hài hòa với cảnh quan làng quê; chiều cao phù hợp (không vượt quá tầng 1 ngôi nhà); đảm bảo an toàn cho ngôi nhà; tường rào có vẽ tranh bích họa	Đạt	60	Nêu rõ thực trạng, quy mô tường rào			Được chấm điểm theo loại: - Xuất sắc: 60 điểm - Tốt: 50 điểm - Khá: 40 điểm - Trung bình: 30 điểm - Kém: 0 điểm Tùy mức độ thực hiện để chấm điểm tối đa; ưu tiên tường rào bằng cây xanh; tường rào có quy mô chiều dài, đẹp
2	Công ngõ đẹp	Đạt	30	Nêu rõ quy mô			Tùy quy mô để chấm điểm tối đa; ưu tiên công ngõ bằng cây xanh
3	Tường rào - công ngõ đẹp kết hợp với nhà đẹp (màu sắc hài hòa đồng nhất với ngôi nhà)	Đạt	10	nêu rõ thực trạng kết hợp với quy mô ngôi nhà			Màu sắc hài hòa: 10 điểm; tùy mức độ để chấm điểm tối đa

Phụ lục III
THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ NỘI DUNG ĐƯỜNG ĐẸP

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BTC ngày tháng 7 năm 2021 của Trưởng Ban Tổ chức cuộc thi)

TT	Nội dung	Quy định đạt chuẩn	Điểm chuẩn tối đa	Thực trạng đường đẹp	Điểm do UBND cấp huyện chấm	Điểm do Hội đồng chấm thi cấp tỉnh chấm	Ghi chú
	TỔNG ĐIỂM		100				
1	Là đường xã, đường thôn hoặc đường ngõ, xóm (<i>đường xã phải bê tông hóa hoặc nhựa hóa; đường thôn phải bê tông hóa/nhựa hóa hoặc lát đá, lát gạch và đường ngõ xóm phải bê tông hóa hoặc lát đá, lát gạch</i>)	Đảm bảo quy chuẩn tối thiểu theo quy định đối với tiêu chí giao thông tại Quyết định số 756/QĐ-UBND ngày 13/3/2017 và Quyết định số 1682/QĐ-UBND ngày 15/5/2017 của UBND tỉnh	20	Nêu rõ thực trạng tuyến đường tham gia thi (chiều dài, quy mô....)			- Đảm bảo tiêu chuẩn: 20 điểm - Không đảm bảo tiêu chuẩn: 0 điểm Tùy quy mô để chấm điểm tối đa
2	Mặt đường sạch, không lầy lội và đảm bảo không ứ đọng nước vào mùa mưa	Đạt	5	Nêu rõ			- Mặt đường sạch, không lầy lội, ứ đọng nước: 5 điểm; Tùy thực tế để chấm điểm tối đa - Mặt đường bẩn, không đảm bảo: 0 điểm
3	Cắm mốc đầy đủ hành lang đường theo quy hoạch NTM được duyệt; có biển báo giao thông đầu các trục đường thôn, đường xã	Đạt	5	Nêu rõ			- Cắm mốc đầy đủ, có biển báo giao thông: 5 điểm; Tùy thực tế để chấm điểm tối đa - Cắm mốc đầy đủ nhưng chưa có biển báo giao thông hoặc ngược lại: 2 điểm - Không có: 0 điểm
4	Có trồng hoa, có cây xanh bóng mát trên tuyến đường theo quy chuẩn quy định (<i>cây cách cây tối đa 10m</i>); cảnh quan tuyến đường sáng - xanh - sạch - đẹp	Có chiều cao tối thiểu từ 2m và đường kính thân cây từ 4cm trở lên; tán cây cân đối, không sâu bệnh, thân cây thẳng; hoặc 2 bên đường có trồng hoa	30	nêu rõ			- Trồng hoa, cây xanh đảm bảo quy định, cảnh quan đẹp, có tổ tự quản: 30 điểm Tùy thực tế để chấm điểm tối đa

TT	Nội dung	Quy định đạt chuẩn	Điểm chuẩn tối đa	Thực trạng đường đẹp	Điểm do UBND cấp huyện chấm	Điểm do Hội đồng chấm thi cấp tỉnh chấm	Ghi chú
5	Đường dây điện, dây viễn thông được bó gọn gàng, thẩm mỹ; không có trụ điện giữa đường;	Đạt	10	Nêu rõ			- Đảm bảo: 10 điểm; Tùy thực tế để chấm điểm tối đa - Đảm bảo nhưng chưa hoàn chỉnh: 5 điểm - Không đảm bảo: 0 điểm
6	Có hệ thống điện chiếu sáng, hoạt động tốt, đảm bảo an toàn về điện	Đạt	10	Nêu rõ			- Đảm bảo: 10 điểm; Tùy thực tế để chấm điểm tối đa - Đảm bảo nhưng chưa hoàn chỉnh: 5 điểm - Không đảm bảo: 0 điểm
7	Các nội dung vượt trội của đường đẹp (quy mô mặt đường, trồng nhiều hoa, cây xanh bóng mát, cảnh quan, có nhiều tường rào cổng ngõ đẹp, vườn đẹp trên tuyến....)	Đạt	20	Nêu rõ			Tùy thực tế để chấm điểm tối đa

Phụ lục IVa: THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ KHU DÂN CƯ NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU ĐẸP (ÁP DỤNG CHO CUỘC THI CẤP HUYỆN)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BTC ngày tháng năm 2021 của Trưởng Ban Tổ chức cuộc thi)

TT	Tên Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đạt chuẩn		Điểm chuẩn tối đa	Điểm do UBND cấp huyện chấm	Ghi chú
			KV1	KV2			
I	TỔNG ĐIỂM				100,0		
	THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ KHU DÂN CƯ NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU				80,0		
1	Giao thông	1.1. Đường trục chính thôn			8,0		
		- Tỷ lệ km đường được cứng hóa (bê tông hoặc nhựa) đạt tiêu chuẩn tối thiểu cấp B (nền đường rộng tối thiểu 4m; mặt đường rộng tối thiểu 3m)	70%	90%	2,0		
		- Tỷ lệ km đường có mặt đường sạch, không lầy lội và đảm bảo không ứ đọng nước vào mùa mưa	100%	100%	1,0		
		- Cắm mốc đầy đủ hành lang đường theo quy hoạch NTM được duyệt.	Đạt	Đạt	1,0		
		- Có biển báo giao thông đầu các trục thôn (biển báo hạn chế tải trọng xe, biển chỉ dẫn...).	Đạt	Đạt	0,5		
		- Đường phải có tổ tự quản của thôn ở mỗi trục đường thôn	Đạt	Đạt	0,5		
		- Tỷ lệ đường có cây xanh, cây bóng mát (cây cách cây tối đa 10m) . Cây xanh đưa ra trồng phải đảm bảo tiêu chuẩn: Có chiều cao tối thiểu từ 2m và đường kính thân cây từ 4cm trở lên; tán cây cân đối, không sâu bệnh, thân cây thẳng.	70%	80%	2,0		
		- Đường không thiết yếu không lầy lội vào mùa mưa	Đạt	Đạt	1,0		
		1.2. Đường ngõ, xóm			8,0		
		- Tỷ lệ km đường có nền cứng đạt chuẩn tối thiểu cấp C (nền đường rộng tối thiểu 3m; mặt đường rộng tối thiểu 2m)	70%	90%	2,0		
		- Tỷ lệ km đường có mặt đường sạch, không lầy lội và đảm bảo không ứ đọng nước vào mùa mưa	100%	100%	1,0		
		- Đường phải có tổ tự quản ở mỗi trục đường ngõ, xóm. Mỗi đoạn đường ngang qua nhà dân đều có phân giao cho các hộ giữ gìn vệ sinh môi trường, đảm bảo sạch đẹp.	Đạt	Đạt	1,0		
		- Tỷ lệ đường có cây xanh, cây bóng mát (cây cách cây tối đa 10m, cây trồng được chăm sóc, bảo vệ, đang sinh trưởng và phát triển tốt)	70%	80%	2,0		

TT	Tên Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đạt chuẩn		Điểm chuẩn tối đa	Điểm do UBND cấp huyện chấm	Ghi chú
			KV1	KV2			
		- Hai bên đường trục chính thôn và đường ngõ xóm trồng các loại hoa, để tạo nên các đường hoa, có cảnh quang đẹp. Cây xanh, cây bóng mát và hoa sau khi trồng phải được giao cho tổ chức, hộ gia đình hoặc cá nhân quản lý, bảo vệ, chăm sóc.	Đạt	Đạt	2,0		
2	Điện	- Hệ thống điện đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật ngành điện (<i>lưới điện, trạm biến áp phân phối đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, đảm bảo khoảng cách an toàn, chất lượng điện đảm bảo sự ổn định của điện áp trong mức cho phép</i>)	Đạt	Đạt	1,0		
		- Tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn điện.	100%	100%	1,0		
		- Tỷ lệ các tuyến đường trục chính của thôn có hệ thống điện chiếu sáng	50%	80%	2,0		
		- Tỷ lệ các tuyến đường ngõ, xóm của thôn có hệ thống điện chiếu sáng	50%	80%	1,0		
3	Vườn và nhà ở hộ gia đình	3.1. Vườn hộ gia đình			10,5		
		- Số hộ đã thực hiện chỉnh trang vườn nhà	80%	90%	6,0		
		- Tổng diện tích đất vườn còn lại (<i>sau khi bố trí chuồng trại chăn nuôi, ao thả cá, sử dụng cho mục đích cần thiết khác nếu có</i>) được trồng các loại cây do ngành nông nghiệp khuyến cáo, phù hợp với quy hoạch vùng sản xuất của địa phương để tăng thu nhập; có áp dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất; đảm bảo cảnh quan đẹp; không có cây tạp trong vườn.	50%	80%	1,0		
		- Nông sản tại vườn sạch, đảm bảo an toàn thực phẩm	Đạt	Đạt	1,0		
		- Tỷ lệ hộ chăn nuôi phải có biện pháp xử lý chất thải rắn, chất thải lỏng đảm bảo vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ và các quy định hiện hành của Nhà nước	80%	100%	2,0		
		- Tỷ lệ hộ có nơi để dụng cụ sản xuất, thiết bị máy móc và vật tư nông nghiệp an toàn, gọn gàng, đảm bảo vệ sinh môi trường	60%	80%	0,5		
		3.2. Hàng rào, cổng ngõ: Tỷ lệ hộ có hàng rào (<i>hàng rào bằng cây xanh hoặc hàng rào khác được phủ cây xanh, trồng hoa</i>), cổng ngõ được xây dựng, cải tạo sạch đẹp, hài hòa cảnh quan làng quê.	60%	70%	6,0		
		3.3. Nhà ở và các công trình phụ trợ			2,0		
		- Không có nhà tạm, nhà dột nát.	Đạt	Đạt	0,5		

TT	Tên Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đạt chuẩn		Điểm chuẩn tối đa	Điểm do UBND cấp huyện chấm	Ghi chú
			KV1	KV2			
		- Tỷ lệ nhà ở dân cư đạt tiêu chuẩn <i>(theo quy định tại Quyết định số 1682/QĐ-UBND ngày 15/5/2017 của UBND tỉnh Quảng Nam và Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1682/QĐ-UBND, nếu có).</i>	>80%	>90%	1,0		
		- Nhà ở có kiến trúc, mẫu mã phù hợp với phong tục, tập quán, giữ được nét đặc trưng văn hoá của địa phương; đảm bảo gọn gàng, ngăn nắp, sạch sẽ, vệ sinh...	Đạt	Đạt	0,5		
4	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người/năm tại năm đánh giá công nhận Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu phải đạt chuẩn theo mức thu nhập hằng năm quy định tại Quyết định số 756/QĐ-UBND ngày 13/3/2017 của UBND tỉnh Ban hành Bộ tiêu chí về xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2017-2020 thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Nam và cao hơn ít nhất 10% so với mức thu nhập bình quân đầu người/năm của xã <i>(được tính trong cùng thời điểm).</i>	Đạt	Đạt	3,0		
5	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định và được tính theo từng khu vực <i>(trừ các hộ nghèo thuộc diện bảo trợ xã hội theo quy định, hoặc do tai nạn rủi ro bất khả kháng, hoặc do bị bệnh hiểm nghèo, hoặc hộ nghèo thuộc chính sách giảm nghèo nhưng quá tuổi lao động theo Luật Lao động nhưng dưới 80 tuổi, không còn khả năng lao động để thoát nghèo, không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp xã hội hằng tháng, không có con phụng dưỡng)</i>	< 8%	Không còn hộ nghèo (trừ các đối tượng không xét)	3,0		
		6.1. Văn hóa			7,0		
		a. Nhà văn hóa thôn			4,0		
		- Có nhà văn hóa và khu thể thao thôn đạt chuẩn theo quy định.	Đạt	Đạt	0,5		
		- Có Quy chế và Kế hoạch hoạt động nhằm thu hút mọi người tham gia phong trào trong thôn.	Đạt	Đạt	1,0		
		- Tường rào, cổng ngõ nhà văn hóa thôn khang trang; khuyến khích làm hàng rào bằng cây xanh hoặc hàng rào khác được phủ cây xanh, trồng hoa. Diện tích trồng cây xanh, trồng hoa của nhà văn hóa thôn tối thiểu là 20% <i>(phần diện tích đất trống của khuôn viên nhà văn hóa thôn sau khi bố trí các hạng mục cần thiết khác)</i>	Đạt	Đạt	1,0		
		- Công trình vệ sinh sạch sẽ, đảm bảo tiêu chuẩn quy định	Đạt	Đạt	0,5		

TT	Tên Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đạt chuẩn		Điểm chuẩn tối đa	Điểm do UBND cấp huyện chấm	Ghi chú
			KV1	KV2			
6	Văn hóa, Giáo dục, Y tế	- Hệ thống truyền thanh đến được mọi nhà dân trong thôn; có hệ thống âm thanh, ánh sáng và các trang thiết bị khác đảm bảo sinh hoạt văn hóa, văn nghệ	Đạt	Đạt	1,0		
		b. Khu thể thao thôn			1,5		
		- Có khu thể thao thôn đạt chuẩn	Đạt	Đạt	0,5		
		- Có một số dụng cụ luyện tập thể thao phù hợp với phong trào thể thao quần chúng ở địa phương.	Đạt	Đạt	0,5		
		- Tổ chức các hoạt động thể dục, thể thao đáp ứng nhu cầu người dân địa phương; thu hút người dân tham gia hoạt động thể dục, thể thao thường xuyên.	>20%	>30%	0,5		
		c. Về văn hóa			1,5		
		- Thôn được công nhận và giữ vững danh hiệu “Thôn văn hóa” 5 năm trở lên	Đạt	Đạt	1,0		
		- Tỷ lệ hộ gia đình đạt tiêu chuẩn Gia đình văn hóa	Trên 90%	Trên 90%	0,5		
		6.2. Giáo dục			2,0		
		- Tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1, trẻ hoàn thành chương trình tiểu học vào học THCS	95%	100%	0,5		
		- Không có học sinh bỏ học; không có học sinh xếp loại học lực yếu (<i>đối với cấp học có xếp loại</i>); học sinh xếp loại đạo đức khá trở lên.	Đạt	Đạt	0,5		
		- Có xây dựng quỹ khuyến học và quản lý, sử dụng tốt quỹ khuyến học.	Đạt	Đạt	0,5		
		- Có tủ sách (<i>trên 100 đầu sách các loại</i>) tại nhà sinh hoạt văn hóa thôn	Đạt	Đạt	0,5		
		6.3. Y tế			2,0		
		- Có tối thiểu 1 nhân viên y tế được đào tạo theo khung chương trình do Bộ Y tế quy định; thường xuyên hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ được giao	Đạt	Đạt	0,5		
		- Không phát sinh đối tượng mắc bệnh xã hội trong năm	Đạt	Đạt	0,5		
		- Tỷ lệ người tham gia BHYT	>95%	>95%	0,5		
		- Tỷ lệ hộ dân trong thôn có tủ thuốc y tế gia đình	>50%	>70%	0,5		

TT	Tên Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đạt chuẩn		Điểm chuẩn tối đa	Điểm do UBND cấp huyện chấm	Ghi chú
			KV1	KV2			
7	Môi trường	- Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh	>95%	100%	2,0		
		- Tỷ lệ hộ dân tham gia dịch vụ vệ sinh môi trường <i>(nếu trên địa bàn có dịch vụ này)</i>	100%	100%	2,0		
		- 100% hộ gia đình đều có ý thức và tham gia bảo vệ cảnh quan môi trường và ký cam kết không gây ô nhiễm môi trường, không vứt bừa bãi xác động vật chết ra môi trường	Đạt	Đạt	2,0		
		- Định kỳ tối thiểu 01 lần/tháng có tổ chức làm vệ sinh chung toàn thôn	Đạt	Đạt	1,0		
		- Có cảnh quan, không gian nông thôn sáng – xanh – sạch – đẹp, không có các hoạt động suy giảm môi trường, giữ gìn được bản sắc văn hóa tốt đẹp trên địa bàn thôn	Đạt	Đạt	7,0		
		- Có tổ vệ sinh môi trường trên địa bàn thôn, có điểm tập kết rác thải chung đảm bảo vệ sinh trước khi thu gom	Đạt	Đạt	1,0		
		- Có hệ thống mương thoát nước thải chung của khu dân cư đảm bảo vệ sinh hoặc hộ xử lý tự thấm, không gây ô nhiễm môi trường	Đạt	Đạt	1,0		
8	Chi bộ Đảng, Ban Nhân dân, các Đoàn thể chính trị và an ninh, trật tự xã hội thôn	- Chi bộ thôn đạt danh hiệu trong sạch, vững mạnh <i>(hoàn thành tốt nhiệm vụ)</i>	Đạt	Đạt	1,0		
		- Thôn và các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội trong thôn đạt danh hiệu tiên tiến trở lên	Đạt	Đạt	0,5		
		- An ninh trật tự đảm bảo, không có tổ chức, cá nhân hoạt động chống Đảng, chính quyền, phá hoại kinh tế, truyền đạo trái pháp luật; khiếu kiện trái pháp luật.	Đạt	Đạt	0,5		
		- Không có tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội và không phát sinh thêm người mắc các tệ nạn xã hội	Đạt	Đạt	0,5		
		- Không có cá nhân vi phạm luật giao thông gây hậu quả nghiêm trọng	Đạt	Đạt	0,5		
		- Không xảy ra cháy, nổ gây hậu quả nghiêm trọng	Đạt	Đạt	0,5		

TT	Tên Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đạt chuẩn		Điểm chuẩn tối đa	Điểm do UBND cấp huyện chấm	Ghi chú
			KV1	KV2			
9	Người dân chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, thực hiện tốt quy ước, hương ước của cộng đồng	- Người dân chấp hành tốt pháp luật; quy ước, hương ước.	Đạt	Đạt	1,0		
		- Đóng góp các khoản xây dựng khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu như đã thống nhất trong cộng đồng dân cư và các khoản khác theo quy định của pháp luật	Đạt	Đạt	1,0		
10	Về sản xuất kinh doanh	- Tỷ lệ hộ dân sản xuất trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản trên địa bàn thôn ký cam kết và thực hiện đúng cam kết: Không lạm dụng hóa chất hoặc sử dụng chất cấm trong sản xuất.	100%	100%	1,0		
		- Không có hộ sản xuất, kinh doanh các mặt hàng vi phạm các quy định hiện hành của Nhà nước	Đạt	Đạt	1,0		
II	THUYẾT MINH VỀ QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG KHU DÂN CƯ NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU CỦA THÔN				20,0		
1	Cách trình bày thuyết minh rõ ràng, mạch lạc, khái quát				5,0		
2	Nội dung trình bày thể hiện được các điểm nổi bật, sáng tạo trong xây dựng khu dân cư NTM của thôn				15,0		

80

80

70,0

70,0

70,0

70,0

70,0

70,0

Phụ lục IVb: THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ KHU DÂN CƯ NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU ĐẸP (ÁP DỤNG CHO CUỘC THI CẤP TỈNH)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BTC ngày tháng 4 năm 2021 của Trưởng Ban Tổ chức cuộc thi)

TT	Tên Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đạt chuẩn		Điểm chuẩn tối đa	Điểm do Hội đồng chấm thi cấp tỉnh chấm	Ghi chú
			KV1	KV2			
I	TỔNG ĐIỂM				100,0		
	THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ KHU DÂN CƯ NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU				80,0		
1	Giao thông	1.1. Đường trục chính thôn			8,0		
		- Tỷ lệ km đường được cứng hóa (bê tông hoặc nhựa) đạt tiêu chuẩn tối thiểu cấp B (nền đường rộng tối thiểu 4m; mặt đường rộng tối thiểu 3m)	70%	90%	2,0		
		- Tỷ lệ km đường có mặt đường sạch, không lầy lội và đảm bảo không ứ đọng nước vào mùa mưa	100%	100%	1,0		
		- Cắm mốc đầy đủ hành lang đường theo quy hoạch NTM được duyệt.	Đạt	Đạt	1,0		
		- Có biển báo giao thông đầu các trục thôn (biển báo hạn chế tải trọng xe, biển chỉ dẫn...).	Đạt	Đạt	0,5		
		- Đường phải có tổ tự quản của thôn ở mỗi trục đường thôn	Đạt	Đạt	0,5		
		- Tỷ lệ đường có cây xanh, cây bóng mát (cây cách cây tối đa 10m) . Cây xanh đưa ra trồng phải đảm bảo tiêu chuẩn: Có chiều cao tối thiểu từ 2m và đường kính thân cây từ 4cm trở lên; tán cây cân đối, không sâu bệnh, thân cây thẳng	70%	80%	2,0		
		- Đường không thiết yếu không lầy lội vào mùa mưa	Đạt	Đạt	1,0		
		1.2. Đường ngõ, xóm			8,0		
		- Tỷ lệ km đường có nền cứng đạt chuẩn tối thiểu cấp C (nền đường rộng tối thiểu 3m; mặt đường rộng tối thiểu 2m)	70%	90%	2,0		
		- Tỷ lệ km đường có mặt đường sạch, không lầy lội và đảm bảo không ứ đọng nước vào mùa mưa	100%	100%	1,0		
		- Đường phải có tổ tự quản ở mỗi trục đường ngõ, xóm. Mỗi đoạn đường ngang qua nhà dân đều có phân giao cho các hộ giữ gìn vệ sinh môi trường, đảm bảo sạch đẹp.	Đạt	Đạt	1,0		
		- Tỷ lệ đường có cây xanh, cây bóng mát (cây cách cây tối đa 10m, cây trồng được chăm sóc, bảo vệ, đang sinh trưởng và phát triển tốt)	70%	80%	2,0		

TT	Tên Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đạt chuẩn		Điểm chuẩn tối đa	Điểm do Hội đồng chấm thi cấp tỉnh chấm	Ghi chú
			KV1	KV2			
		- Hai bên đường trục chính thôn và đường ngõ xóm trồng các loại hoa, để tạo nên các đường hoa, có cảnh quang đẹp. Cây xanh, cây bóng mát và hoa sau khi trồng phải được giao cho tổ chức, hộ gia đình hoặc cá nhân quản lý, bảo vệ, chăm sóc.	Đạt	Đạt	2,0		
2	Điện	- Hệ thống điện đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật ngành điện (<i>lưới điện, trạm biến áp phân phối đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, đảm bảo khoảng cách an toàn, chất lượng điện đảm bảo sự ổn định của điện áp trong mức cho phép</i>)	Đạt	Đạt	1,0		
		- Tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn điện.	100%	100%	1,0		
		- Tỷ lệ các tuyến đường trục chính của thôn có hệ thống điện chiếu sáng	50%	80%	2,0		
		- Tỷ lệ các tuyến đường ngõ, xóm của thôn có hệ thống điện chiếu sáng	50%	80%	1,0		
3	Vườn và nhà ở hộ gia đình	3.1. Vườn hộ gia đình			10,5		
		- Số hộ đã thực hiện chỉnh trang vườn nhà	80%	90%	6,0		
		- Tổng diện tích đất vườn còn lại (<i>sau khi bố trí chuồng trại chăn nuôi, ao thả cá, sử dụng cho mục đích cần thiết khác nếu có</i>) được trồng các loại cây do ngành nông nghiệp khuyến cáo, phù hợp với quy hoạch vùng sản xuất của địa phương để tăng thu nhập; có áp dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất; đảm bảo cảnh quan đẹp; không có cây tạp trong vườn.	50%	80%	1,0		
		- Nông sản tại vườn sạch, đảm bảo an toàn thực phẩm	Đạt	Đạt	1,0		
		- Tỷ lệ hộ chăn nuôi phải có biện pháp xử lý chất thải rắn, chất thải lỏng đảm bảo vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ và các quy định hiện hành của Nhà nước	80%	100%	2,0		
		- Tỷ lệ hộ có nơi để dụng cụ sản xuất, thiết bị máy móc và vật tư nông nghiệp an toàn, gọn gàng, đảm bảo vệ sinh môi trường	60%	80%	0,5		
		3.2. Hàng rào, cổng ngõ: Tỷ lệ hộ có hàng rào (<i>hàng rào bằng cây xanh hoặc hàng rào khác được phủ cây xanh, trồng hoa</i>), cổng ngõ được xây dựng, cải tạo sạch đẹp, hài hòa cảnh quan làng quê.	60%	70%	6,0		
		3.3. Nhà ở và các công trình phụ trợ			2,0		
		- Không có nhà tạm, nhà dột nát.	Đạt	Đạt	0,5		

TT	Tên Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đạt chuẩn		Điểm chuẩn tối đa	Điểm do Hội đồng chấm thi cấp tỉnh chấm	Ghi chú
			KV1	KV2			
		- Tỷ lệ nhà ở dân cư đạt tiêu chuẩn <i>(theo quy định tại Quyết định số 1682/QĐ-UBND ngày 15/5/2017 của UBND tỉnh Quảng Nam và Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1682/QĐ-UBND, nếu có)</i> .	>80%	>90%	1,0		
		- Nhà ở có kiến trúc, mẫu mã phù hợp với phong tục, tập quán, giữ được nét đặc trưng văn hoá của địa phương; đảm bảo gọn gàng, ngăn nắp, sạch sẽ, vệ sinh...	Đạt	Đạt	0,5		
4	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người/năm tại năm đánh giá công nhận Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu phải đạt chuẩn theo mức thu nhập hằng năm quy định tại Quyết định số 756/QĐ-UBND ngày 13/3/2017 của UBND tỉnh Ban hành Bộ tiêu chí về xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2017-2020 thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Nam và cao hơn ít nhất 10% so với mức thu nhập bình quân đầu người/năm của xã <i>(được tính trong cùng thời điểm)</i> .	Đạt	Đạt	3,0		
5	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định và được tính theo từng khu vực <i>(trừ các hộ nghèo thuộc diện bảo trợ xã hội theo quy định, hoặc do tai nạn rủi ro bất khả kháng, hoặc do bị bệnh hiểm nghèo, hoặc hộ nghèo thuộc chính sách giảm nghèo nhưng quá tuổi lao động theo Luật Lao động nhưng dưới 80 tuổi, không còn khả năng lao động để thoát nghèo, không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp xã hội hằng tháng, không có con phụng dưỡng)</i>	< 8%	Không còn hộ nghèo (trừ các đối tượng không xét)	3,0		
		6.1. Văn hóa			7,0		
		a. Nhà văn hóa thôn			4,0		
		- Có nhà văn hóa và khu thể thao thôn đạt chuẩn theo quy định.	Đạt	Đạt	0,5		
		- Có Quy chế và Kế hoạch hoạt động nhằm thu hút mọi người tham gia phong trào trong thôn.	Đạt	Đạt	1,0		
		- Tường rào, cổng ngõ nhà văn hóa thôn khang trang; khuyến khích làm hàng rào bằng cây xanh hoặc hàng rào khác được phủ cây xanh, trồng hoa. Diện tích trồng cây xanh, trồng hoa của nhà văn hóa thôn tối thiểu là 20% <i>(phần diện tích đất trống của khuôn viên nhà văn hóa thôn sau khi bố trí các hạng mục cần thiết khác)</i>	Đạt	Đạt	1,0		

TT	Tên Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đạt chuẩn		Điểm chuẩn tối đa	Điểm do Hội đồng chấm thi cấp tỉnh chấm	Ghi chú
			KV1	KV2			
6	Văn hóa, Giáo dục, Y tế	- Công trình vệ sinh sạch sẽ, đảm bảo tiêu chuẩn quy định	Đạt	Đạt	0,5		
		- Hệ thống truyền thanh đến được mọi nhà dân trong thôn; có hệ thống âm thanh, ánh sáng và các trang thiết bị khác đảm bảo sinh hoạt văn hóa, văn nghệ	Đạt	Đạt	1,0		
		b. Khu thể thao thôn			1,5		
		- Có khu thể thao thôn đạt chuẩn	Đạt	Đạt	0,5		
		- Có một số dụng cụ luyện tập thể thao phù hợp với phong trào thể thao quần chúng ở địa phương.	Đạt	Đạt	0,5		
		- Tổ chức các hoạt động thể dục, thể thao đáp ứng nhu cầu người dân địa phương; thu hút người dân tham gia hoạt động thể dục, thể thao thường xuyên.	>20%	>30%	0,5		
		c. Về văn hóa			1,5		
		- Thôn được công nhận và giữ vững danh hiệu “Thôn văn hóa” 5 năm trở lên	Đạt	Đạt	1,0		
		- Tỷ lệ hộ gia đình đạt tiêu chuẩn Gia đình văn hóa	Trên 90%	Trên 90%	0,5		
		6.2. Giáo dục			2,0		
		- Tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1, trẻ hoàn thành chương trình tiểu học vào học THCS	95%	100%	0,5		
		- Không có học sinh bỏ học; không có học sinh xếp loại học lực yếu (<i>đối với cấp học có xếp loại</i>); học sinh xếp loại đạo đức khá trở lên.	Đạt	Đạt	0,5		
		- Có xây dựng quỹ khuyến học và quản lý, sử dụng tốt quỹ khuyến học.	Đạt	Đạt	0,5		
		- Có tủ sách (<i>trên 100 đầu sách các loại</i>) tại nhà sinh hoạt văn hóa thôn	Đạt	Đạt	0,5		
		6.3. Y tế			2,0		
		- Có tối thiểu 1 nhân viên y tế được đào tạo theo khung chương trình do Bộ Y tế quy định; thường xuyên hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ được giao	Đạt	Đạt	0,5		
		- Không phát sinh đối tượng mắc bệnh xã hội trong năm	Đạt	Đạt	0,5		
		- Tỷ lệ người tham gia BHYT	>95%	>95%	0,5		

TT	Tên Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đạt chuẩn		Điểm chuẩn tối đa	Điểm do Hội đồng chấm thi cấp tỉnh chấm	Ghi chú
			KV1	KV2			
		- Tỷ lệ hộ dân trong thôn có tủ thuốc y tế gia đình	>50%	>70%	0,5		
7	Môi trường	- Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh	>95%	100%	2,0		
		- Tỷ lệ hộ dân tham gia dịch vụ vệ sinh môi trường <i>(nếu trên địa bàn có dịch vụ này)</i>	100%	100%	2,0		
		- 100% hộ gia đình đều có ý thức và tham gia bảo vệ cảnh quan môi trường và ký cam kết không gây ô nhiễm môi trường, không vứt bừa bãi xác động vật chết ra môi trường	Đạt	Đạt	2,0		
		- Định kỳ tối thiểu 01 lần/tháng có tổ chức làm vệ sinh chung toàn thôn	Đạt	Đạt	1,0		
		- Có cảnh quan, không gian nông thôn sáng – xanh – sạch – đẹp, không có các hoạt động suy giảm môi trường, giữ gìn được bản sắc văn hóa tốt đẹp trên địa bàn thôn	Đạt	Đạt	7,0		
		- Có tổ vệ sinh môi trường trên địa bàn thôn, có điểm tập kết rác thải chung đảm bảo vệ sinh trước khi thu gom	Đạt	Đạt	1,0		
		- Có hệ thống mương thoát nước thải chung của khu dân cư đảm bảo vệ sinh hoặc hộ xử lý tự thấm, không gây ô nhiễm môi trường	Đạt	Đạt	1,0		
8	Chi bộ Đảng, Ban Nhân dân, các Đoàn thể chính trị và an ninh, trật tự xã hội thôn	- Chi bộ thôn đạt danh hiệu trong sạch, vững mạnh <i>(hoàn thành tốt nhiệm vụ)</i>	Đạt	Đạt	1,0		
		- Thôn và các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội trong thôn đạt danh hiệu tiên tiến trở lên	Đạt	Đạt	0,5		
		- An ninh trật tự đảm bảo, không có tổ chức, cá nhân hoạt động chống Đảng, chính quyền, phá hoại kinh tế, truyền đạo trái pháp luật; khiếu kiện trái pháp luật.	Đạt	Đạt	0,5		
		- Không có tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội và không phát sinh thêm người mắc các tệ nạn xã hội	Đạt	Đạt	0,5		
		- Không có cá nhân vi phạm luật giao thông gây hậu quả nghiêm trọng	Đạt	Đạt	0,5		

TT	Tên Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đạt chuẩn		Điểm chuẩn tối đa	Điểm do Hội đồng chấm thi cấp tỉnh chấm	Ghi chú
			KV1	KV2			
		- Không xảy ra cháy, nổ gây hậu quả nghiêm trọng	Đạt	Đạt	0,5		
9	Người dân chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, thực hiện tốt quy ước, hương ước của cộng đồng	- Người dân chấp hành tốt pháp luật; quy ước, hương ước.	Đạt	Đạt	1,0		
		- Đóng góp các khoản xây dựng khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu như đã thống nhất trong cộng đồng dân cư và các khoản khác theo quy định của pháp luật	Đạt	Đạt	1,0		
10	Về sản xuất kinh doanh	- Tỷ lệ hộ dân sản xuất trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản trên địa bàn thôn ký cam kết và thực hiện đúng cam kết: Không lạm dụng hóa chất hoặc sử dụng chất cấm trong sản xuất.	100%	100%	1,0		
		- Không có hộ sản xuất, kinh doanh các mặt hàng vi phạm các quy định hiện hành của Nhà nước	Đạt	Đạt	1,0		
II	PHÓNG SỰ VIDEO CLIP, THUYẾT MINH VỀ THỰC HIỆN XÂY DỰNG KHU DÂN CƯ NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU CỦA THÔN				10,0		
1	Về hình ảnh: Chất lượng hình ảnh rõ, đẹp				4,0		
2	Về nội dung: Thể hiện được những kết quả nổi bật, có nhiều ý tưởng sáng tạo trong xây dựng khu dân cư NTM kiểu mẫu của thôn				4,0		
3	Cách thuyết minh trong phóng sự rõ ràng, truyền cảm, có điểm nhấn				2,0		
III	THUYẾT TRÌNH VỀ QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG KHU DÂN CƯ NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU CỦA THÔN				10,0		
1	Cách trình bày thuyết minh rõ ràng, mạch lạc, khái quát				5,0		
2	Nội dung trình bày thể hiện được các điểm nổi bật, sáng tạo trong xây dựng khu dân cư NTM của thôn				5,0		